HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM
62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,
Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1580
(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 27/10/2026 đến ngày 02/11/2026)

A/ THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI:

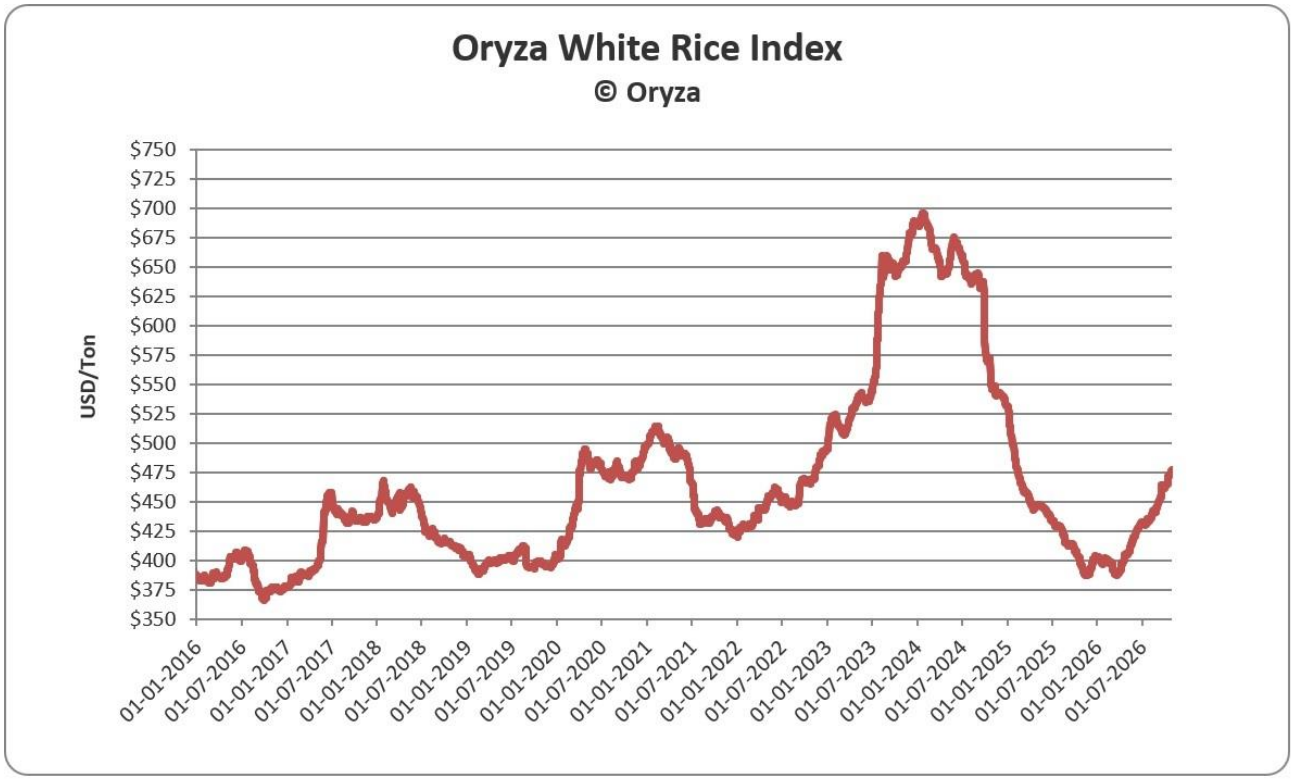
I. GIÁ GẠO TRONG TUẦN: *(Nguồn Oryza.com)*

Bảng giá gạo thế giới: *(USD/MT, FOB)*

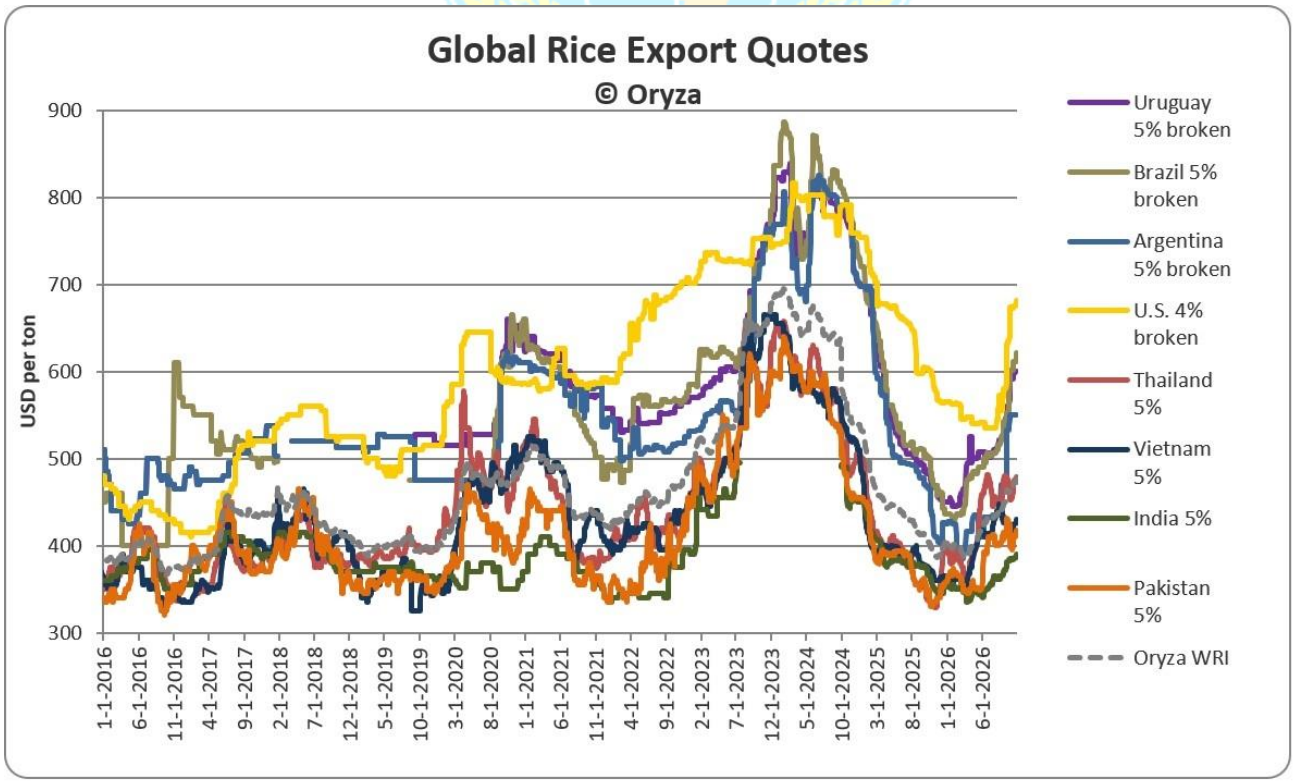
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	27 – 10		28 – 10		29 – 10		30 – 10	
		min	*max*	*min*	*max*	*min*	*max*	*min*	*max*
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	486	490	484	488	486	490	484	488
	5% tấm	475	479	474	478	475	479	474	478
	25% tấm	449	453	445	449	449	453	445	449
	Hom Mali 92%	1114	1118	1114	1118	1114	1118	1114	1118
	Gạo đồ 100% Stxd	490	494	491	495	490	494	491	495
	A1 Super	407	411	407	411	407	411	407	411
VIỆT NAM	5% tấm	425	429	427	431	425	429	427	431
	25% tấm	406	410	408	412	406	410	408	412
	Gạo thơm 5% tấm	500	515	515	520	500	515	515	520
	Jasmine	535	539	538	542	535	539	538	542
	100% tấm	390	394	390	394	390	394	390	394
ẤN ĐỘ	5% tấm	385	389	385	389	385	389	385	389
	25% tấm	375	379	375	379	375	379	375	379
	Gạo đồ 5% Stxd	378	382	378	382	378	382	378	382
	100% tấm Stxd	330	334	330	334	330	334	330	334
PAKISTAN	5% tấm	412	416	412	416	412	416	412	416
	25% tấm	388	392	389	393	388	392	389	393
	100% tấm Stxd	343	347	343	347	343	347	343	347
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	465	469	465	469	465	469	465	469
MỸ	4% tấm	675	679	675	679	675	679	675	679
	15% tấm (Sacked)	649	653	649	653	649	653	649	653
	Gạo đồ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	911	915	911	915	911	915	911	915

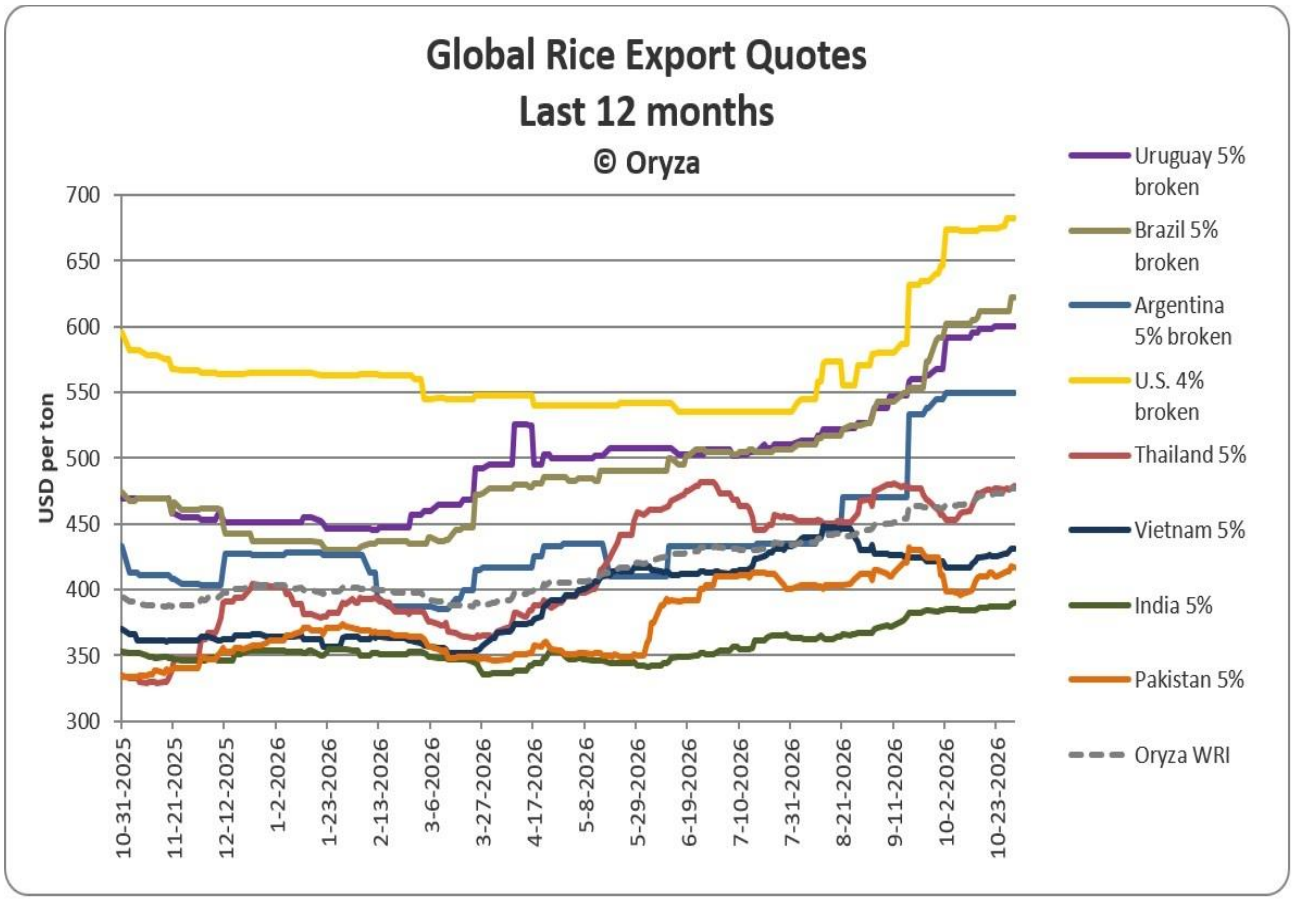
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

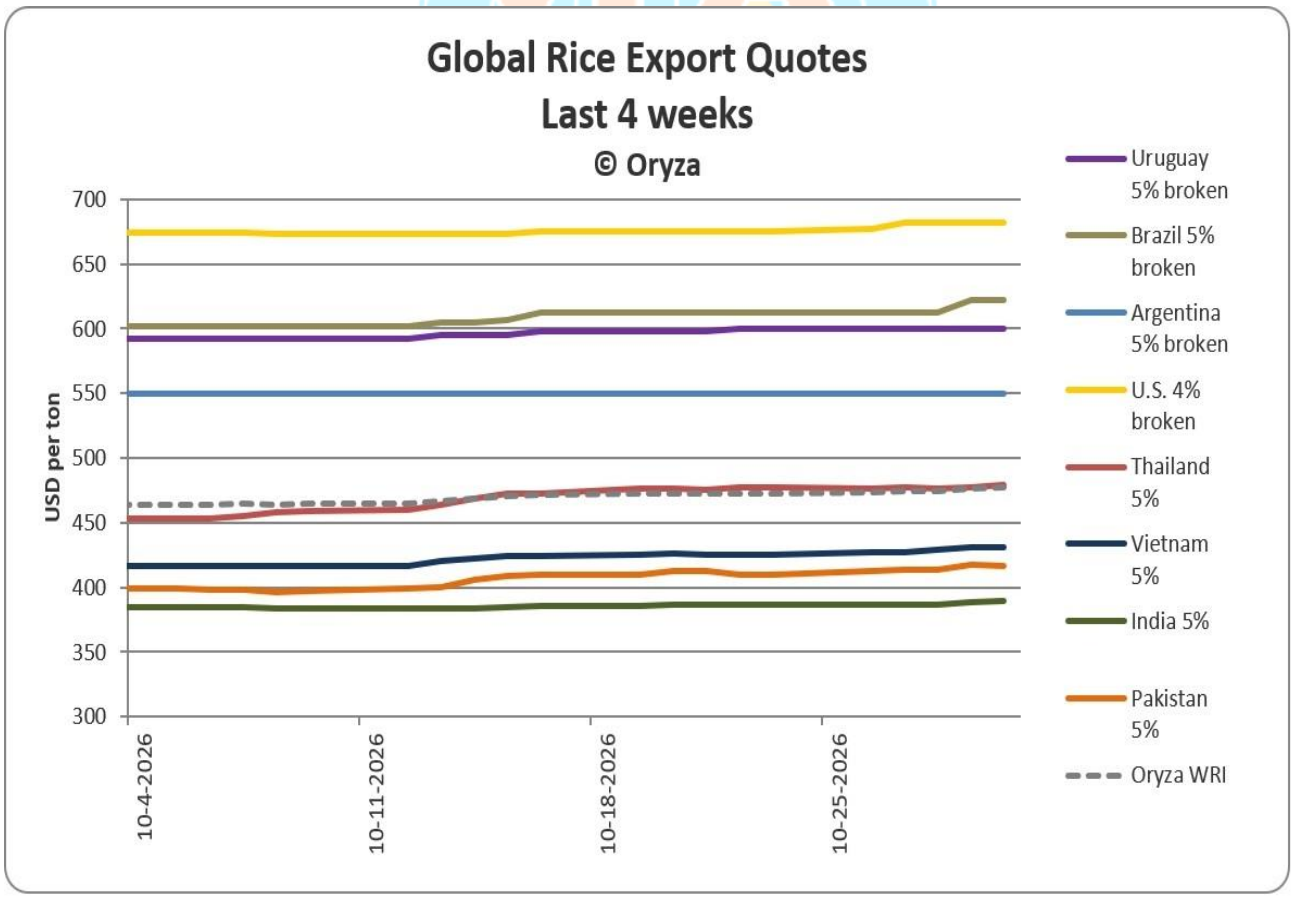
*Tổng quan thị trường:

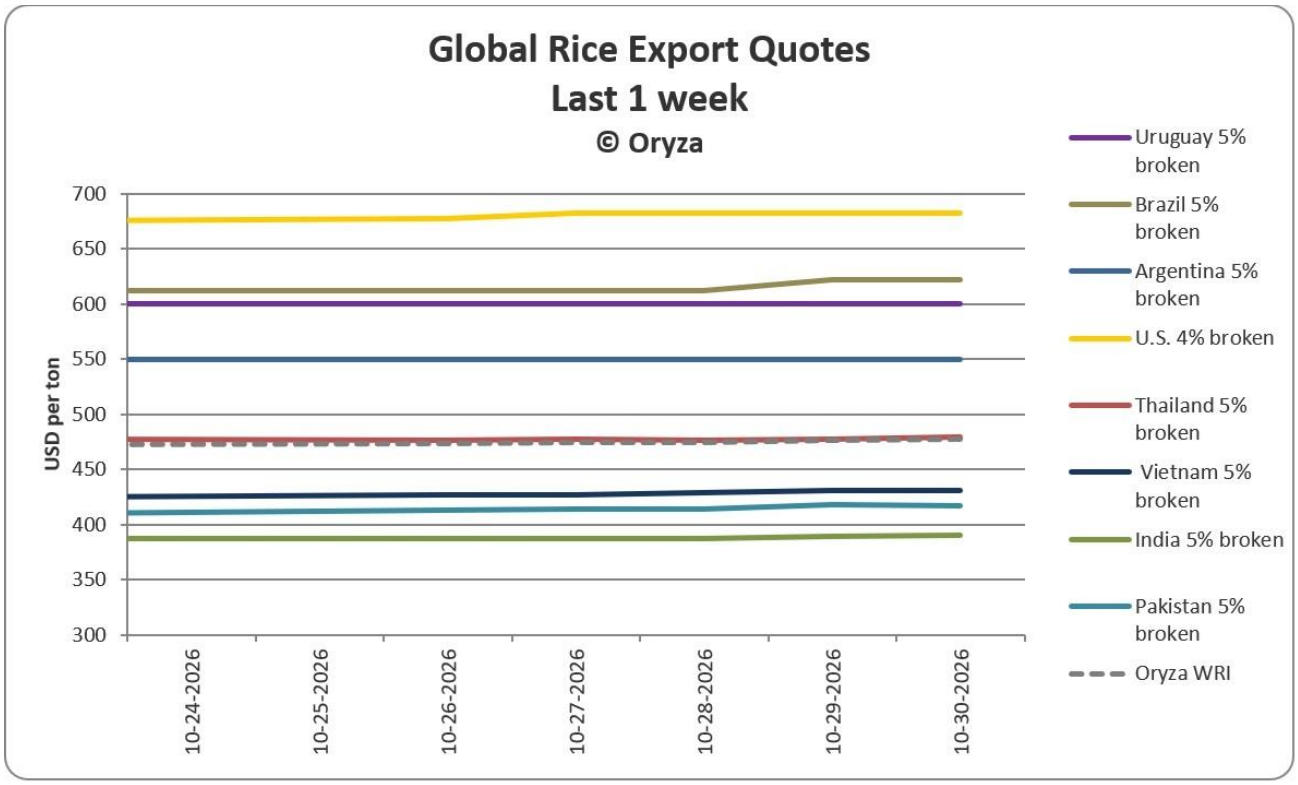


Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 477 USD/tấn, tăng 4 USD/tấn so với tuần trước và tăng 16 USD/tấn so với tháng trước, và tăng 83 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.




Global Rice Export Quotes
Last 12 months
© Oryza
USD per ton
700
650
600
550
500
450
400
350
300
10-31-2025
11-21-2025
12-12-2025
1-2-2026
1-23-2026
2-13-2026
3-6-2026
3-27-2026
4-17-2026
5-8-2026
5-29-2026
6-19-2026
7-10-2026
7-31-2026
8-21-2026
9-11-2026
10-2-2026
10-23-2026
Uruguay 5% broken
Brazil 5% broken
Argentina 5% broken
U.S. 4% broken
Thailand 5%
Vietnam 5%
India 5%
Pakistan 5%
Oryza WRI


Global Rice Export Quotes
Last 4 weeks
© Oryza
USD per ton
700
650
600
550
500
450
400
350
300
10-4-2026
10-11-2026
10-18-2026
10-25-2026
Uruguay 5% broken
Brazil 5% broken
Argentina 5% broken
U.S. 4% broken
Thailand 5%
Vietnam 5%
India 5%
Pakistan 5%
Oryza WRI



Theo The Hindu Business Line, giá gạo thế giới tiếp tục duy trì ở mức cao, trong đó giá gạo 5% tấm của Việt Nam tăng lên 470–480 USD/tấn, mức cao nhất kể từ tháng 01/2025, trong bối cảnh nguồn cung thắt chặt và lo ngại sản lượng thu hoạch trong vụ tới sụt giảm. Giá gạo Ấn Độ duy trì ổn định ở mức 387–394 USD/tấn đối với các chủng loại gạo chủ yếu, nhờ nhu cầu xuất khẩu ổn định. Giá gạo Thái Lan giữ ở mức 480 USD/tấn, trong khi các nhà nhập khẩu châu Phi ngày càng ưu tiên lựa chọn gạo Ấn Độ có giá thấp hơn. Tại Bangladesh, giá gạo nội địa tiếp tục duy trì ở mức cao mặc dù lượng tồn kho dồi dào, do chi phí sản xuất và vận chuyển gia tăng.

Philippines

Philippines đang chuẩn bị ứng phó với nguy cơ sản lượng lúa suy giảm khi hiện tượng El Niño mạnh có thể làm gia tăng tình trạng hạn hán kéo dài đến hết nửa đầu năm 2027. Bộ Nông nghiệp đã điều chỉnh giảm dự báo sản lượng lúa năm 2026 khoảng 1 triệu tấn, từ 20,7 triệu tấn xuống còn 19,7 triệu tấn, trong khi hạn hán đã ảnh hưởng đến hơn 223.000 nông dân tại 14 khu vực, gây thiệt hại nông nghiệp ước tính 6,87 tỷ peso. Chi phí phân bón và nhiên liệu tăng cao tiếp tục làm gia tăng khó khăn đối với nông dân, trong khi sản lượng lúa giai đoạn tháng 7–9/2026 giảm 15% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 3,19 triệu tấn. Chính phủ đã đề xuất kế hoạch hỗ trợ trị giá 61,99 tỷ peso, mặc dù vẫn còn thiếu hụt nguồn kinh phí. Trường hợp nguồn cung gạo trong nước thiếu hụt đáng kể, nhu cầu nhập khẩu gạo của Philippines có thể gia tăng, qua đó có khả năng mang lại lợi ích cho các nước xuất khẩu lớn như Việt Nam,

Thái Lan và Ấn Độ, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại sản lượng thực tế, lượng tồn kho trong nước và chính sách điều hành nhập khẩu của Chính phủ.

BMI, đơn vị thuộc Fitch Solutions, cảnh báo rằng lượng tồn kho gạo suy giảm và nguy cơ xuất hiện hiện tượng El Niño mạnh có thể đẩy giá gạo và lạm phát tại Philippines tăng trong giai đoạn 2026/27, do làm gia tăng rủi ro hạn hán và giảm sản lượng nông nghiệp trên khắp Đông Nam Á. Philippines đặc biệt dễ bị ảnh hưởng do phải nhập khẩu khoảng một phần ba nhu cầu gạo, trong khi lượng tồn kho gạo tại Thái Lan, Việt Nam và Philippines đã giảm xuống dưới mức năm 2023. Tuy nhiên, lượng tồn kho gạo kỷ lục của Ấn Độ, tương đương 47% nhu cầu tiêu dùng trong nước, có thể góp phần hạn chế áp lực nguồn cung toàn cầu và giảm khả năng áp dụng các biện pháp hạn chế xuất khẩu từng góp phần gây ra đợt tăng giá gạo trong giai đoạn 2023/24. Trong khi đó, Bộ Nông nghiệp Philippines cảnh báo El Niño có thể gây thiệt hại nông nghiệp lên đến 20 tỷ peso (313 triệu USD), ảnh hưởng đến khoảng 4,6 triệu nông dân và ngư dân, với sản lượng có thể thiệt hại khoảng 1 triệu tấn trên diện tích 350.000 ha. Thiệt hại nông nghiệp do hiện tượng El Niño đang mạnh lên đã lên đến 8,57 tỷ peso (134 triệu USD).

Theo Business Mirror, dẫn số liệu của Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), sản lượng lúa của Philippines trong quý III/2026 giảm 17,8% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 3,08 triệu tấn, do diện tích thu hoạch giảm 17,6%, xuống còn 755.369 ha. Chi phí phân bón và nhiên liệu tăng cao, cùng với những rủi ro liên quan đến thời tiết, dự kiến tiếp tục gây áp lực đối với sản xuất. Bộ Nông nghiệp dự báo sản lượng lúa cả năm 2026 đạt 18,67 triệu tấn, có thể là mức thấp nhất kể từ năm 2016.

Hàn Quốc

Sản lượng gạo của Hàn Quốc năm 2026 dự báo giảm 0,6% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 3,518 triệu tấn, mức thấp nhất kể từ năm 2020, có thể khiến lượng dư cung so với nhu cầu trong nước thu hẹp. Mặc dù giá bán lẻ ở mức thấp, sản lượng giảm, lượng tồn kho gạo vụ cũ dự kiến cạn dần và nhu cầu bổ sung tồn kho của các nhà phân phối có thể hỗ trợ giá gạo trong tháng 11 và tháng 12, giúp giá gạo tại nơi sản xuất duy trì bằng hoặc cao hơn nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Chính phủ sẽ đánh giá số liệu sản lượng cuối cùng và tình hình thị trường trước khi quyết định các biện pháp bình ổn nguồn cung bổ sung.

Nhu cầu tiêu thụ gạo tại Hàn Quốc tiếp tục suy yếu trong năm 2026 mặc dù giá giảm, với lượng gạo bán lẻ trong tháng 9 giảm 10,4% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn khoảng 35.000 tấn. Hoạt động mua gạo của các hộ gia đình, tiêu dùng gạo tại hộ gia đình và nhu cầu từ các nhà hàng, đơn vị cung

cấp suất ăn đều ghi nhận sụt giảm, trong khi doanh số của các nhà phân phối khu vực giảm 6,2% trong giai đoạn tháng 1–9. Giá bán lẻ bình quân một bao gạo 20 kg giảm 3,8% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 63.577 won trong tháng 10, chủ yếu do lượng tồn kho dồi dào và nhu cầu yếu. Tuy nhiên, Viện Kinh tế Nông thôn Hàn Quốc dự báo giá gạo tại các vùng sản xuất sẽ duy trì ổn định hoặc tăng nhẹ trong giai đoạn tháng 10–12, nhờ sản lượng dự kiến giảm và lượng tồn kho thu hẹp. Trong khi đó, Chính phủ đang thúc đẩy tiêu dùng gạo nội địa thông qua chương trình bữa sáng 1.000 won dành cho sinh viên đại học và công nhân tại các khu công nghiệp.

Nhật Bản

Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đang xem xét thu mua bổ sung 100.000 tấn gạo từ khu vực tư nhân nhằm khôi phục lượng dự trữ của Chính phủ. Đề xuất này nối tiếp kế hoạch mua lại 210.000 tấn đã công bố trong tháng 9. Trước đó, việc xuất cấp khẩn cấp 590.000 tấn gạo trong năm 2025 nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt nguồn cung đã khiến lượng dự trữ giảm xuống chỉ còn khoảng 320.000 tấn, thấp hơn nhiều so với mục tiêu khoảng 1 triệu tấn.

Thời điểm thực hiện đợt thu mua bổ sung sẽ phụ thuộc vào tình hình cung cầu và số liệu thu hoạch sắp tới. Bộ dự kiến hoạt động này sẽ chỉ tác động hạn chế đến thị trường, do lượng tồn kho gạo của khu vực tư nhân đã đạt mức kỷ lục theo mùa là 1,5 triệu tấn vào cuối tháng 8.

Về chính sách dài hạn, Nhật Bản đang xem xét rút ngắn thời gian dự trữ gạo từ 5 năm xuống còn 3 - 4 năm. Đồng thời, Chính phủ dự kiến giảm mục tiêu sản lượng gạo phục vụ tiêu dùng trực tiếp trong năm 2027 xuống còn 6,93 triệu tấn (so với mức dự kiến 7,4 triệu tấn của năm 2026), và khuyến khích nông dân tăng sản xuất lúa làm thức ăn chăn nuôi và chế biến. Các biện pháp tổng thể này nhằm bổ sung nguồn dự trữ khẩn cấp, đồng thời cân đối nguồn cung thị trường và nhu cầu trong tương lai.

Bên cạnh đó, trong đợt đấu thầu Mua bán Đồng thời (SBS) lần thứ hai của năm tài chính 2026/27 tổ chức ngày 28/10/2026, Nhật Bản đã mua và bán tổng cộng 15.946 tấn gạo. Khối lượng này bao gồm 13.446 tấn gạo nguyên hạt và 2.500 tấn gạo tấm, so với mục tiêu nhập khẩu khoảng 25.000 tấn của Chính phủ.

Indonesia

Indonesia khẳng định nguồn cung gạo sẽ được bảo đảm trong mùa lễ hội cuối năm 2026 và kéo dài đến tháng 7 hoặc tháng 8/2027. Tính đến ngày 26/10,

lượng gạo dự trữ do Cơ quan Hậu cần Quốc gia (Bulog) quản lý đạt khoảng 4,5 triệu tấn, kết hợp cùng khoảng 10 triệu tấn lúa đang trên đồng và tồn kho thương mại.

Để hỗ trợ người dân và bình ổn thị trường, Chính phủ đang triển khai hai chương trình trọng điểm:

Chương trình hỗ trợ lương thực (tháng 10–12/2026): Phân bổ khoảng 1 triệu tấn gạo với ngân sách 17,5 nghìn tỷ rupiah (khoảng 970 triệu USD) cho 33,2 triệu hộ gia đình. Mỗi hộ đủ điều kiện sẽ nhận 10 kg gạo/tháng (tổng 30 kg trong ba tháng). Bulog đã chuẩn bị sẵn nguồn hàng và bao bì, hiện đang chờ Bộ Xã hội hoàn tất danh sách thụ hưởng để tiến hành phân phối.

Chương trình Bình ổn Nguồn cung và Giá lương thực (SPHP): Phân bổ thêm 1 triệu tấn gạo nhằm duy trì nguồn cung đến tháng 3/2027. Gạo được bán với giá 12.500 rupiah/kg nhằm hạn chế biến động giá và đảm bảo khả năng chi trả của người tiêu dùng.

Đối phó với nguy cơ hạn hán từ hiện tượng El Niño (ước tính có thể làm thiệt hại vài trăm nghìn tấn), Indonesia đang đẩy mạnh các biện pháp bảo vệ sản xuất. Các hành động cụ thể bao gồm: mở rộng và sửa chữa hệ thống thủy lợi, vận hành máy bơm nước, sử dụng giống lúa chịu hạn và giám sát chặt chẽ các tỉnh trọng điểm. Chính phủ tự tin sẽ duy trì đủ nguồn cung và đặt mục tiêu sản xuất thêm 1,5 triệu tấn gạo riêng trong tháng 12.

Về thương mại khu vực, chính quyền tỉnh Papua đang xem xét xuất khẩu gạo, dầu ăn và các mặt hàng thiết yếu sang Papua New Guinea nhằm thúc đẩy kinh tế biên giới. Đề xuất này đã được đưa ra thảo luận vào ngày 27/10. Mặc dù chi tiết về khối lượng và mức giá chưa được chốt, chính quyền tỉnh đã lên kế hoạch phát triển cơ sở kho bãi nhằm hỗ trợ các doanh nhân bản địa và thúc đẩy giao thương song phương.

Triều Tiên

Theo *Daily NK*, giá gạo tại Triều Tiên đã vượt 50.000 won (0,72 USD)/kg lần đầu tiên vào cuối tháng 10/2026, mặc dù đang trong thời gian thu hoạch vụ thu. Giá gạo tại Bình Nhưỡng và Hyesan đạt khoảng 0,75 USD/kg, tăng gần 19% trong hai tuần. Những lo ngại về sản lượng thu hoạch giảm, chỉ tiêu thu mua ngũ cốc của Chính phủ tăng và nguồn cung lương thực thắt chặt đã khiến các hộ gia đình tăng cường tích trữ gạo, làm gia tăng lo ngại về an ninh lương thực trước mùa đông.

Thổ Nhĩ Kỳ

Sản lượng gạo xay xát của Thổ Nhĩ Kỳ trong niên vụ thương mại 2026/27 dự báo tăng lên 615.000 tấn, so với mức 560.000 tấn của niên vụ trước, nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi và năng suất cải thiện. Tiêu thụ gạo dự kiến duy trì

ổn định ở mức 800.000 tấn, trong khi nhập khẩu dự báo giảm từ 524.000 tấn xuống còn 375.000 tấn do sản lượng trong nước tăng và nhu cầu trung chuyển tiếp tục duy trì. Xuất khẩu gạo dự báo tăng từ 210.000 tấn lên 225.000 tấn, chủ yếu nhờ các lô hàng được vận chuyển qua Thổ Nhĩ Kỳ đến các thị trường trong khu vực, bao gồm Syria, Iraq và Libya. Chính phủ đã áp dụng các biện pháp giám sát nhập khẩu có hiệu lực từ ngày 09/10/2026, bên cạnh mức thuế nhập khẩu cao hiện hành, nhằm bảo vệ các nhà sản xuất trong nước và ngăn ngừa thất thu thuế. Trong khi đó, tồn kho cuối kỳ dự báo giảm từ 251.000 tấn xuống còn 216.000 tấn, phản ánh việc dự kiến sử dụng một phần lượng tồn kho của Cơ quan Ngũ cốc Thổ Nhĩ Kỳ.

Úc

Ngành lúa gạo Úc dự kiến phục hồi trong niên vụ thương mại 2026/27 nhờ lượng mưa cải thiện và nguồn nước tưới dồi dào hơn hỗ trợ sản xuất, với sản lượng gạo xay xát dự báo tăng 52%, lên 195.000 tấn và diện tích gieo trồng tăng 39%, lên 25.000 ha. Tuy nhiên, sản lượng vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trung bình lịch sử do những hạn chế kéo dài về nguồn nước. Tiêu thụ gạo trong nước dự báo tăng 1,2%, lên 420.000 tấn, nhờ dân số gia tăng, trong khi xuất khẩu dự kiến giảm 20%, xuống còn 100.000 tấn do nguồn cung hạn chế. Để đáp ứng nhu cầu trong nước, nhập khẩu gạo dự báo đạt mức kỷ lục 325.000 tấn, tăng từ mức 285.000 tấn trong niên vụ thương mại 2025/26, với Thái Lan, Ấn Độ và Việt Nam tiếp tục là các nhà cung cấp chính. Tồn kho cuối kỳ dự báo không thay đổi, ở mức 131.000 tấn, do sản lượng và nhập khẩu tăng bù đắp cho nhu cầu tiêu dùng gia tăng và nguồn cung dành cho xuất khẩu giảm.

Theo Báo cáo Mùa vụ Úc tháng 9/2026 của Cục Kinh tế và Khoa học Nông nghiệp và Tài nguyên Úc (ABARES), sản lượng lúa của Úc trong niên vụ 2026/27 dự báo giảm 22%, xuống còn 139.000 tấn, chủ yếu do diện tích gieo trồng thu hẹp trong bối cảnh nguồn nước tưới hạn chế và giá nước tăng cao trên toàn lưu vực Murray–Darling. Tại bang New South Wales, nơi chiếm gần như toàn bộ sản lượng lúa của cả nước, sản lượng dự kiến giảm 22%, xuống còn 137.000 tấn, với diện tích gieo trồng giảm 18%, còn 14.000 ha và năng suất ước đạt 9,8 tấn/ha. Tình trạng khô hạn kéo dài và nguy cơ lượng mưa mùa xuân thấp hơn mức trung bình tại khu vực phía Nam bang New South Wales tiếp tục làm gia tăng lo ngại, trong khi sản xuất lúa vẫn phụ thuộc rất lớn vào khả năng cung cấp nguồn nước tưới.

Mỹ Latinh

Uruguay, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 600 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 32 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 131 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Hiệp hội Người trồng lúa Uruguay (ACA), tính đến ngày 27/10/2026, tiến độ gieo trồng đạt 89% trên tổng diện tích kế hoạch 155.880 ha, cao hơn khoảng 7 điểm phần trăm so với mức trung bình 5 năm. Khu vực phía Đông dẫn đầu với tiến độ hoàn thành 98%, trong khi khu vực phía Bắc và miền Trung lần lượt đạt 70% và 71%. Điều kiện thời tiết bất lợi đã làm chậm hoạt động đồng áng tại khu vực phía Bắc và miền Trung, mặc dù tiến độ gieo trồng đã được đẩy nhanh trong tuần qua và một số khu vực cũng ghi nhận phải gieo trồng lại. Nhìn chung, tiến độ gieo trồng vẫn ở mức cao so với lịch sử, với khoảng 11% diện tích kế hoạch chưa được gieo trồng.

Argentina, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 550 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 5 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 117 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Brazil, gạo 5% tấm hiện ở mức khoảng 622 USD/tấn, tăng khoảng 10 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 30 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 148 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số giá lúa CEPEA ở mức 82,28 real/50 kg (khoảng 307,59 USD/tấn), giảm nhẹ so với tháng trước nhưng tăng trên 43% so với cùng kỳ năm 2025.

Tính đến 23/10, tiến độ gieo trồng mới đạt 38,2%, thấp hơn so với năm ngoái (49,5%). Hiện tượng El Niño cường độ mạnh gây mưa lớn và thiếu nắng tại các bang trọng điểm (Rio Grande do Sul, Santa Catarina, Paraná) làm đình trệ công việc đồng áng, gia tăng nguy cơ bệnh đạo ôn. Cây lúa hiện chủ yếu ở giai đoạn nảy mầm (41,2%) và sinh trưởng sinh dưỡng (58,1%).

Mexico, từ ngày 26/10, ngành vận tải đường bộ đình công vô thời hạn trên toàn quốc (tập trung tại các trung tâm lớn như Mexico City, Monterrey) để phản đối tình trạng mất an ninh, trộm cắp và chi phí tăng. Việc này đe dọa làm gián đoạn chuỗi cung ứng nông sản, tăng chi phí vận tải và cản trở thương mại với Hoa Kỳ.

Colombia, sản lượng gạo xay xát niên vụ 2026/27 dự báo giảm 6,7% (còn 1,8 triệu tấn) do hạn hán (El Niño) và diện tích thu hoạch thu hẹp. Nguồn cung giảm khiến tồn kho cuối kỳ dự báo giảm 17% (còn 148.000 tấn), tiếp tục gây áp lực tăng giá gạo nội địa.

Để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ổn định (2,03 triệu tấn), Colombia dự kiến tăng nhập khẩu lên mức 240.000 tấn (so với 108.000 tấn niên vụ trước), chủ yếu từ Hoa Kỳ, Ecuador và Peru. Chính phủ đang đẩy mạnh các biện pháp trợ giá, đào tạo và giảm nợ để hỗ trợ nông dân phục hồi sản xuất.

Hoa Kỳ

Gạo 4% tấm hiện ở mức khoảng 682 USD/tấn, tăng khoảng 7 USD/tấn so với tuần trước, tăng khoảng 36 USD/tấn so với tháng trước và tăng khoảng 87 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), số lượng xuất khẩu trong niên vụ thương mại 2026/27 đạt tổng cộng 80.600 tấn trong tuần kết thúc ngày 22/10. Các nước xuất tăng chủ yếu được ghi nhận tại Iraq (40.000 tấn), Nhật Bản (25.000 tấn), Guatemala (12.400 tấn, bao gồm 11.000 tấn được chuyển từ các thị trường chưa xác định), Mexico (9.900 tấn) và Canada (2.900 tấn).

Iraq xác nhận đã mua 44.000 tấn gạo Hoa Kỳ để giao hàng trong tháng 01/2027, đánh dấu lô hàng đầu tiên theo Biên bản ghi nhớ (MOU) năm 2027 giữa USA Rice và Al Awees, với mục tiêu mua 200.000 tấn gạo mỗi năm. Thỏa thuận năm 2026 gần như đã được thực hiện đầy đủ, mặc dù gặp gián đoạn vận tải liên quan đến những bất ổn tại eo biển Hormuz và khó khăn trong việc tiếp cận nguồn USD để tài trợ thương mại. Để duy trì nguồn cung, gạo hiện được vận chuyển qua cảng Aqaba của Jordan, sau đó tiếp tục được vận chuyển bằng đường bộ đến Iraq, cho thấy tầm quan trọng của thị trường Iraq đối với xuất khẩu gạo Hoa Kỳ và việc sử dụng các tuyến vận tải thay thế nhằm duy trì hoạt động thương mại.

Châu Âu

Trong 8 tuần đầu của niên vụ thương mại 2026/27 (từ ngày 01/9 đến ngày 25/10/2026), lượng gạo nhập khẩu của Liên minh châu Âu (EU) giảm 5,5% so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 192.000 tấn (quy đổi gạo xay xát), trong khi xuất khẩu giảm 31,3%, xuống còn 32.473 tấn. Campuchia tiếp tục là nhà cung cấp gạo xay xát và gạo bán xay xát lớn nhất cho EU, tiếp theo là Ấn Độ, Miến Điện, Thái Lan và Pakistan. Ấn Độ cung cấp 28.041 tấn, chiếm 19,7% lượng nhập khẩu các loại gạo này. Trong khi đó, Vương quốc Anh là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của EU, nhập khẩu 9.871 tấn, chiếm 32,3% tổng lượng xuất khẩu gạo xay xát và bán xay xát, tiếp theo là Thụy Sĩ, Jordan, Thổ Nhĩ Kỳ và Na Uy.

Châu Phi

Mauritania, theo báo cáo mới nhất của Hệ thống Thông tin và Cảnh báo sớm Toàn cầu (GIEWS) thuộc Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), triển vọng sản xuất ngũ cốc năm 2026 của Mauritania nhìn chung vẫn thuận lợi, mặc dù lượng mưa phân bố không đồng đều và xuất hiện các đợt khô hạn vào đầu vụ, với khả năng thiếu hụt sản lượng cục bộ tại một số khu vực thuộc vùng Gorgol. Vụ thu hoạch lúa có tưới năm 2026 dự kiến diễn ra trong tháng 11–12, trong khi sản lượng lúa năm 2025 đạt 556.000 tấn, cao

hơn 12,9% so với mức trung bình 5 năm. Giá gạo nhập khẩu nhìn chung duy trì ổn định trong giai đoạn tháng 5–8/2026, trong khi giá bột mì tăng tới 25% so với cùng kỳ năm trước. Tình hình an ninh lương thực cũng được cải thiện, với hơn 500.000 người (chiếm 9% dân số được đánh giá) đối mặt với tình trạng mất an ninh lương thực cấp tính nghiêm trọng trong giai đoạn tháng 6–8/2026, giảm so với khoảng 590.000 người (12%) trong cùng kỳ năm 2025, nhờ nguồn cung ngũ cốc được cải thiện sau vụ thu hoạch đạt sản lượng cao hơn mức trung bình.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 390 USD/tấn, lần lượt tăng khoảng 3 USD/tấn so với tuần trước, 6 USD/tấn so với tháng trước và tăng 37 USD/tấn so với cùng kỳ.

Theo đại diện ngành gạo tại Hội nghị Gạo quốc tế Bharat (BIRC) 2026 tổ chức tại New Delhi, xuất khẩu gạo của nước này dự kiến đạt mức kỷ lục 24 triệu tấn trong năm 2026, nhờ giá chào cạnh tranh, nguồn cung trong nước dồi dào và nhu cầu quốc tế duy trì ổn định. Với thị phần khoảng 40% lượng gạo xuất khẩu toàn cầu, nước này tiếp tục giữ vai trò là nhà cung cấp chủ chốt cho các thị trường châu Á, châu Phi và Trung Đông.

Sản lượng lúa basmati năm 2026 dự kiến tăng 5–10% nhờ điều kiện gió mùa thuận lợi, qua đó có thể cải thiện nguồn cung phục vụ xuất khẩu. Tuy nhiên, chi phí vận tải và bảo hiểm gia tăng, căng thẳng địa chính trị, gián đoạn vận tải biển và rủi ro thời tiết có thể ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng, giá cả và nhu cầu quốc tế.

Việc nước này gia tăng sử dụng gạo làm nguyên liệu sản xuất ethanol đang khiến nguồn cung trong nước thắt chặt và giá gạo tăng, làm gia tăng lo ngại về khả năng áp dụng các biện pháp hạn chế xuất khẩu trong niên vụ 2026/27. Giá gạo tấm 100% đã tăng hơn 20%, lên khoảng 330 USD/tấn và được dự báo tiếp tục tăng do nhu cầu ethanol cao hơn, trong khi nguồn cung ngô suy giảm. Sản lượng gạo dự kiến giảm 3–4% so với cùng kỳ, một phần do lượng mưa mùa gió mùa thấp hơn bình thường.

Thái Lan

Giá gạo trắng 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 479 USD/tấn, lần lượt tăng khoảng 2 USD/tấn so với tuần trước, 22 USD/tấn so với tháng trước và tăng 144 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Pakistan

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 417 USD/tấn, lần lượt tăng khoảng 7 USD/tấn so với tuần trước, 6 USD/tấn so với tháng trước và tăng 83 USD/tấn so với cùng kỳ.

Campuchia

Theo dữ liệu sơ bộ, lượng gạo xuất khẩu nước này trong 9 tháng đầu năm 2026 đã tăng 56% so với cùng kỳ năm 2025. Đáng chú ý, Philippines đang nổi lên là một trong những thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước này. Trong 9 tháng đầu năm, nước này xuất khẩu 157.552 tấn gạo sang Philippines. Sự gia tăng đơn hàng từ Philippines góp phần thúc đẩy tiêu thụ gạo Campuchia, đặc biệt trong bối cảnh thị trường này mở cửa trở lại đối với gạo nhập khẩu từ đầu năm 2026.

Miến Điện

Nguồn tin tuần qua cho biết nước này dự kiến giảm xuất khẩu gạo tấm từ tháng 4/2027, chuyển hướng sử dụng nguyên liệu này cho ngành thức ăn chăn nuôi, sản xuất glucose, mì và bột gạo trong nước nhằm gia tăng giá trị chế biến.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	27 – 10	28 - 10	29 - 10	30 – 10	02 – 11
Trung Quốc (CNY/USD)	6,67	6,67	6,67	6,65	6,65
Châu Âu (EUR/USD)	0,89	0,90	0,90	0,90	0,90
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	18.154,44	18.133,41	18.176,82	18.135,69	18.135,69
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,09	4,09	4,08	4,06	4,06
Philippines Peso (PHP/USD)	63,93	63,90	63,96	63,70	63,70
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.326,69	1.326,37	1.343,86	1.333,91	1.333,91
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	157,57	157,86	158,24	157,57	157,57
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,15	95,03	95,27	94,92	94,92
Miến Điện (MMK/USD)	2.099,77	2.099,63	2.099,64	2.099,47	2.099,47
Pakistan Rupees (PKR/USD)	276,75	276,71	276,60	276,65	276,65
Thái Lan Baht (THB/USD)	33,80	33,76	33,78	33,76	33,76
Việt Nam Đồng (VND/USD)	25.847,16	25.824,69	25.824,69	25.798,75	25.798,75

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

**** Tiến độ sản xuất:***

Tính đến ngày 31/10/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Thu Đông 2026 đã xuống giống 502 ngàn ha/634 ngàn ha diện tích kế hoạch, đạt gần 79%, thu hoạch được khoảng 181 ngàn ha, với năng suất ước 59,63 tạ/ha, sản lượng 1,079 triệu tấn lúa.

Lúa vụ mùa 2026 đã gieo sạ được 105 ngàn ha đạt 64% kế hoạch tập trung ở tỉnh An Giang và Cà Mau.

Vụ Đông Xuân 2026-27 đã xuống giống được 76 ngàn ha/1,217 triệu ha đạt 6,2% diện tích kế hoạch.

II. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/10 – 31/10/2026 có 16 tàu vào cảng Hồ Chí Minh xếp hàng với số lượng dự kiến 186.450 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Mike Thomas	HCM	22/09/2026	50.000	Châu Phi
2	Minh Anh 08	HCM	06/10/2026	3.500	Malaysia
3	Vinh 02	HCM	10/10/2026	4.500	Malaysia
4	Quang Vinh 379	HCM	13/10/2026	4.150	Malaysia
5	Hoàng Hải Star	HCM	15/10/2026	3.250	Malaysia
6	Adira 88	HCM	20/10/2026	5.000	Philippines
7	Red Diamond	HCM	20/10/2026	49.000	Châu Phi
8	MD Sea	HCM	23/10/2026	10.700	Philippines
9	Adira 15	HCM	24/10/2026	4.500	Philippines
10	Quang Minh 45	HCM	25/10/2026	4.900	Philippines
11	Mekong Star	HCM	25/10/2026	2.900	Philippines
12	Hòa Bình 45	HCM	26/10/2026	4.000	Philippines
13	Nashico Eagle	HCM	26/10/2026	6.350	Philippines
14	Tân An Dynamic	HCM	26/10/2026	6.800	Philippines
15	Quang Minh 5	HCM	27/10/2026	4.900	Philippines
16	Zaccar	HCM	26/10/2026	25.000	Châu phi
17	Trường Minh Dream 02	HCM	28/10/2026	47.000	Châu Phi
Tổng				**236.450**	

III. GIÁ LÚA/GẠO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	29/10	+/-	29/10	+/-	29/10	+/-	29/10	+/-	29/10	+/-	29/10	+/-	29/10	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	6.650	-	6.850	+400	6.850	+400	6.950	+350	7.300	+600	7.300	+600	7.250	+700	7.300	7.021
Lúa thường	6.150	-	6.250	+300	6.250	+200	6.550	+400	6.250	+300	6.550	+400	6.450	+400	6.550	6.350
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	8.050	-	8.340	+490	8.400	+500	8.750	+800	8.750	-			8.550	+200	8.750	8.473
Lúa thường	7.850	-	7.600	+350	7.450	+240	8.200	+350	8.200	-			7.850	+500	8.200	7.858
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	9.250	+100	10.250	+600	10.450	+425	10.300	+450	10.175	+400			10.450	+350	10.450	10.146
Lứt loại 2	9.150	+100	9.100	+150	9.075	+125	10.100	+1.150	8.975	+100	10.100	+1.050	9.300	+250	10.100	9.400
Xát trắng loại 1			11.250	+800			11.050	+725	11.400	+275	11.400	+275	11.350	+650	11.400	11.290
Xát trắng loại 2			10.250	+100			10.150	-	9.950	-	10.450	+300	10.450	+400	10.450	10.250
Phụ Phẩm																
Tấm 1/2	9.550	+600	9.350	-	9.825	+775	9.800	+750	9.750	+500	10.100	+750	10.100	+950	10.100	9.782
Tấm 2/3			8.750	+50	9.825	+775			9.150	+500			8.950	+500	9.825	9.169
Tấm 3/4	8.750	+200	8.650	+50	9.475	+825							8.950	+500	9.475	8.956
Cám xát	7.950	+100	7.650	+100	8.350	+25	8.150	+50	8.250	+200	8.350	+25	8.250	+300	8.350	8.136
Cám lau	7.950	+100	7.550	+100	8.350	+25	7.825	+50	8.250	+200	8.350	+25	8.350	+300	8.350	8.089
Gạo TPXK Không Bao Tại Mạn																
5%	10.500	+200	10.950	-	10.350	+50	10.850	+450	11.350	+1.100	11.350	+400	10.850	+400	11.350	10.886
10%			10.850	-					11.150	+1.100			10.750		11.150	10.917
15%	10.300	+200	10.750	-	10.150	+50	10.650	+450	10.950	+1.100	10.950	+200	10.550	+400	10.950	10.614
20%									10.650	+1.100					10.650	10.650
25%	10.100	+200	9.950	-	9.950	+50	10.450	+450	10.350	+1.100	10.450	+450	10.250	+400	10.450	10.214

***